

Số: 29 /2010/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 11 năm 2010.

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành quy định về thời gian thực hiện các thủ tục
và cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin trong công tác cấp giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác
gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 của Luật Đất đai ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 134/TTr-TNMT ngày 21/6/2010 về việc ban hành quy định về thời gian thực hiện các thủ tục và cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về thời gian thực hiện các thủ tục và cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TN&MT; Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng; Bộ NN & PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH địa phương;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 ; (thi hành)
- UBMTTQ và các tổ chức đoàn thể;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trưởng, Phó TP: KTCNLN, TH, NC, QH;
- Chuyên viên: ĐC;
- Lưu VT (T120)

(Báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Chiến

QUY ĐỊNH

Về thời gian thực hiện các thủ tục và cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin trong công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29 /2010/QĐ-UBND ngày 29/11 /2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về thời gian thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận); cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin giữa cơ quan tài nguyên và môi trường với cơ quan xây dựng, nông nghiệp và phát triển nông thôn, các cơ quan khác có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận; các cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; về nhà ở, công trình xây dựng; về nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân xã, phường thị trấn và các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công, tổ chức kinh tế, tổ chức nước ngoài (sau đây gọi chung là các tổ chức); cơ sở tôn giáo; cá nhân nước ngoài; hộ gia đình, cá nhân trong nước; cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác có liên quan tới việc chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Thời gian thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong quy định này không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính, thời gian công khai kết quả thẩm tra và thời gian thực hiện trích đo địa chính.

2. Thời gian thực hiện cấp Giấy chứng nhận trong bản quy định này được tính từ ngày Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã viết giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận.

3. Việc tiếp nhận hồ sơ của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất và Ủy ban nhân dân cấp xã phải được ghi vào sổ theo dõi và phiếu tiếp nhận.

4. Việc thông báo cho người nộp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện phải thực hiện bằng văn bản.

Chương II

THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 4. Thời gian thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận lần đầu không quá năm mươi (50) ngày làm việc

1. Đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, cá nhân nước ngoài:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người đề nghị cấp giấy, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh thực hiện các nội dung công việc quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 19; các điểm a, b và c khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 88/2009/NĐ-CP).

b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến do Văn phòng Đăng ký cấp tỉnh gửi đến, Sở Xây dựng có trách nhiệm ghi đầy đủ nội dung vào phần III của phiếu lấy ý kiến, ký tên, đóng dấu và gửi cho Văn phòng Đăng ký đối với đề nghị xác minh, cung cấp thông tin về quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm ghi đầy đủ nội dung vào phần III của phiếu lấy ý kiến, ký tên, đóng dấu và gửi cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất đối với đề nghị xác minh, cung cấp thông tin về quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng, cây lâu năm.

c) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất trình hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường ký Giấy chứng nhận đối với trường hợp được ủy quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký Giấy chứng nhận đối với trường hợp không được ủy quyền.

d) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh ký Giấy chứng nhận, gửi cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh.

đ) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh trao Giấy chứng nhận cho người được cấp Giấy chứng nhận.

2 Đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam:

a) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, thông báo cho người nộp hồ sơ biết bằng văn bản nếu cần thiết phải bổ sung hoàn thiện hồ sơ; Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện chuyển hồ sơ đã hợp lệ đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất hoặc tài sản đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

b) Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện các công việc quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 14, các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP.

c) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện thực hiện các công việc quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 14, điểm a, b và c khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP.

d) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến do Văn phòng Đăng ký cấp huyện gửi đến, cơ quan quản lý về nhà ở, công trình xây dựng có trách nhiệm ghi đầy đủ nội dung vào phần III của phiếu lấy ý kiến, ký tên, đóng dấu và gửi cho Văn phòng Đăng ký đối với đề nghị xác minh, cung cấp thông tin về quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng; cơ quan quản lý về nông nghiệp cấp huyện có trách nhiệm ghi đầy đủ nội dung vào phần III của phiếu lấy ý kiến, ký tên, đóng dấu và gửi cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất đối với đề nghị xác minh, cung cấp thông tin về quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng, cây lâu năm.

đ) Trong thời hạn bốn (04) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Giấy chứng nhận.

e) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Giấy chứng nhận chuyên cho Phòng Tài nguyên và Môi trường để gửi cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất.

f) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị cấp giấy đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện; chuyển Giấy chứng nhận cho Ủy ban nhân dân xã, thị trấn để trao cho người đề nghị cấp giấy đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân xã, thị trấn. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có trách nhiệm trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

Điều 5. Thời gian thực hiện các thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà người sử dụng đất có nhu cầu bổ sung chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất không quá ba mươi (30) ngày làm việc

1. Đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, cá nhân nước ngoài:

a) Trong thời hạn mười hai (12) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh thực hiện các công việc quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP.

b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến do Văn phòng Đăng ký cấp tỉnh gửi đến, Sở Xây dựng có trách nhiệm ghi đầy đủ nội dung vào phần III của phiếu lấy ý kiến, ký tên, đóng dấu và gửi cho Văn phòng Đăng ký đối với đề nghị xác minh, cung cấp thông tin về quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm ghi đầy đủ nội dung vào phần III của phiếu lấy ý kiến, ký tên, đóng dấu và gửi cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất đối với đề nghị xác minh, cung cấp thông tin về quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng, cây lâu năm.

c) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất trình hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường ký Giấy chứng nhận đối với trường hợp được ủy quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký Giấy chứng nhận đối với trường hợp không được ủy quyền.

d) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh ký Giấy chứng nhận, chuyển cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh.

đ) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam:

a) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện thực hiện các công việc quy định tại các điểm b và c khoản 3 Điều 15 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP.

b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến do Văn phòng Đăng ký cấp huyện gửi đến, cơ quan quản lý về nhà ở, công trình xây dựng có trách nhiệm ghi đầy đủ nội dung vào phần III của phiếu lấy ý kiến, ký tên, đóng dấu và gửi cho Văn phòng Đăng ký đối với đề nghị xác minh, cung cấp thông tin về quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng; cơ quan quản lý về nông nghiệp cấp huyện có trách nhiệm ghi đầy đủ nội dung vào phần III của phiếu lấy ý kiến, ký tên, đóng dấu và gửi cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất đối với đề nghị xác minh, cung cấp thông tin về quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng, cây lâu năm.

c) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Giấy chứng nhận và chuyển cho phòng Tài nguyên và Môi trường để gửi cho văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

d) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận.

Điều 6. Thời gian cấp đổi Giấy chứng nhận không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 bản quy định này

1. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ.

2. Thời hạn giải quyết và trả kết quả không quá mười (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian làm việc để thẩm tra, niêm yết thông báo về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã mất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất và cơ quan thông tin đại chúng).

Chương III

NỘI DUNG TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CUNG CẤP THÔNG TIN TRONG VIỆC VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 7. Chuyển thông tin

1. Việc chuyển thông tin trong trường hợp cần xác minh thêm thông tin về điều kiện chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc xử lý việc vi phạm về việc sử dụng đất không phù hợp với bản vẽ quy hoạch xây dựng chi tiết của dự án đã được duyệt và bản vẽ hoàn công của công trình đã được duyệt giữa Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện với cơ quan quản lý về nhà ở, công trình xây dựng; cơ quan quản lý nông nghiệp cấp huyện để xin ý kiến chuyển thông tin bằng đường bưu điện.

2. Việc chuyển thông tin đến Bộ Tài nguyên Môi trường và Bộ Xây dựng các trường hợp cấp Giấy chứng nhận cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam đã hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận. Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh chuyển bằng đường bưu điện.

3. Việc chuyển bản sao Giấy chứng nhận có nội dung chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất cùng cấp, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh, huyện chuyển bằng đường bưu điện.

4. Việc thông báo cho người nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cần phải bổ sung hoàn thiện hồ sơ của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh, huyện; Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chuyển bằng đường bưu điện.

Điều 8. Trách nhiệm của các Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì phối hợp với các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục thuế tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã xây dựng hướng dẫn liên ngành về việc cấp Giấy chứng nhận; tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ trong cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện, Cán bộ địa chính cấp xã.

b) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc cấp giấy chứng nhận, đăng ký biến động tại địa bàn cấp huyện và cấp xã để kịp thời giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

c) Kiểm tra, thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của các tổ chức trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trong đó có việc xem xét kết quả tự rà soát hiện trạng sử dụng đất của các tổ chức đang sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

d) Định kỳ hàng Quý, thông tin kết quả cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất của tổ chức cho Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết và tổng hợp số liệu.

2. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn xác định về cấp (hạng) nhà, loại nhà, cấp công trình xây dựng, diện tích xây dựng, diện tích sàn hoặc công suất, kết cấu công trình, năm hoàn thành xây dựng, thời hạn sở hữu để tổ chức thực hiện cấp Giấy chứng nhận, thực hiện đăng ký xác nhận biến động sau khi cấp Giấy chứng nhận.

b) Hướng dẫn công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn khi có ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Cung cấp hồ sơ quy hoạch xây dựng chi tiết của huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn và các dự án quy hoạch chi tiết (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt) cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố để phục vụ công tác cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động.

d) Chỉ đạo phòng chuyên môn quản lý xây dựng cấp huyện cung cấp thông tin về nhà, các công trình xây dựng để phục vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp huyện cấp giấy chứng nhận.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn về rừng sản xuất là rừng trồng được cấp Giấy chứng nhận

b) Chỉ đạo phòng chuyên môn cấp huyện cung cấp thông tin về các loại rừng sản xuất là rừng trồng đối với trường hợp thuộc huyện cấp Giấy chứng nhận.

c) Cung cấp thông tin về phạm vi hành lang bảo vệ đê, sông, kênh, mương thủy lợi.

4. Cục Thuế tỉnh

Hướng dẫn mức nộp nghĩa vụ tài chính về lệ phí cấp Giấy chứng nhận, lệ phí trước bạ, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế thu nhập từ việc chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi cấp Giấy chứng nhận hoặc khi xác nhận biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất.

5. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

a) Chỉ đạo cơ quan Tài nguyên và Môi trường cùng cấp hướng dẫn, tổ chức, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và thực hiện cấp Giấy chứng nhận theo thẩm quyền quy định.

b) Tổ chức kiểm tra, thanh tra thực hiện công tác cấp Giấy chứng nhận tại địa bàn cấp xã; kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện; xử lý hoặc kiến nghị xử lý những cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy định về cấp giấy chứng nhận.

c) Chỉ đạo các phòng, ban theo chức năng, nhiệm vụ cung cấp các thông tin về tài sản gắn liền với đất; thông tin về quy hoạch xây dựng chi tiết; chỉ giới hành lang đường giao thông, đường điện, đê, các công trình thủy lợi, di tích lịch sử văn hoá; thực hiện thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế thu nhập do chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; thu tiền xử phạt do vi phạm pháp luật đất đai; thông tin về rừng sản xuất là rừng trồng để phục vụ cấp Giấy chứng nhận.

d) Rà soát, bãi bỏ các văn bản, quy trình, thủ tục trái với Quy định này.

6. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

Chủ động trong công tác cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn; tổng hợp số lượng các trường hợp sử dụng đất chưa kê khai đăng ký và hướng dẫn kê khai; thống kê các trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận; chuẩn bị đầy đủ các tài liệu có liên quan làm cơ sở để kịp thời giải đáp những thắc mắc của nhân dân trong việc cấp Giấy chứng nhận.

Chương IV

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cấp Giấy chứng nhận được biểu dương, khen thưởng kịp thời theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 10. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân làm trái các quy định của Nhà nước và các nội dung trong Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, cán bộ, công chức không thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn; trường hợp đúng thẩm quyền mà không giải quyết hoặc đùn đẩy, thiếu trách nhiệm; thời hạn giải quyết công việc kéo dài, giải quyết không đúng quy định của pháp luật; để xảy ra các vi phạm, làm chậm tiến độ trong công tác cấp Giấy chứng nhận thuộc lĩnh vực ngành mình, địa bàn mình quản lý thì tùy theo mức độ vi phạm phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại.

Điều 11. Điều khoản thi hành.

1. Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, yêu cầu các cơ quan, đơn vị phải kịp thời tổng hợp và gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

The image shows the official seal of the Provincial People's Committee, which is circular and contains the text 'ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH' and 'TỈNH' around the perimeter. Overlaid on the seal is a handwritten signature in black ink, which appears to be 'Đỗ Văn Chiến'.

Đỗ Văn Chiến